TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 117/2023/DS-PT
Ngày: 09/3/2023
"V/v Tranh chấp chia thừa kế, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Xuân Trọng.

Các Thẩm phán: Ông Phạm Đình Khánh;

Bà Vũ Thị Thu Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Hải An, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Bà Lê Thị Lý - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 09 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 167/2021/TLPT-DS ngày 19 tháng 7 năm 2021 về việc "Tranh chấp chia thừa kế, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2021/DS-ST ngày 31/3/2021 của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1575/2023/QĐ-PT ngày 21 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Chị Ngô Thị A, sinh năm 1982, Địa chỉ: tổ 1, khu 9, phường E1, thành phố E, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

**** Bị đơn*:** Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1971; Nơi ĐKNKTT: tổ 26, khu 7, phường E2, thành phố E, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Chị Ngô Thị C, sinh năm 2002; Nơi ĐKNKTT: tổ 26, khu 7, phường E2, thành phố E, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

2. Cụ Ngô Văn D, sinh năm 1930 và cụ Phạm Thị D1, sinh năm 1928; Nơi ĐKNKTT: Thôn E5, xã E4, thị xã E3, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Chị Ngô Thị A, sinh năm 1982. Địa chỉ: tổ 1, khu 9, phường E1, thành phố E, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

3. Uỷ ban nhân dân thành phố E, tỉnh Quảng Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Văn T, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND thành phố E. Có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo Đơn khởi kiện, tại Bản tự khai chị Ngô Thị A trình bày:* Nguyên đơn chị Ngô Thị A khởi kiện yêu cầu Tòa án phân chia di sản gồm quyền sử dụng đất (QSDĐ), tài sản của bố đẻ chết để lại theo quy định của pháp luật, chị giao tài sản gồm QSDĐ và tài sản cho bà B và chị C được quyền sở hữu, có trách nhiệm thanh toán cho chị, hai cụ D - D1 bằng tiền và hủy giấy chứng nhận QSDĐ cấp mang tên bà Nguyễn Thị B.

Di sản yêu cầu chia thừa kế nguồn gốc như sau: Bố, mẹ đẻ chị A là ông, bà Ngô Đức D2 - Bùi Thị D3, kết hôn năm 1982. Ngày 24/12/1996, Tòa án nhân dân thị xã E giải quyết ly hôn giữa ông, bà D2 – D3; ông, bà D2 D3 có hai con chung: chị A ở với bà D3, em trai Ngô Tiến D4 ở với ông D2 (anh Ngô Tiến D4, sinh năm 1984 - chết năm 1999 - chưa có vợ con); tài sản chung: ông D2 được quyền sở hữu ngôi nhà trên diện tích đất 100m^2. Năm 1997, ông D2 kết hôn với bà Nguyễn Thị B và chung sống trên ngôi nhà đất ông D2 được chia và năm 2002 sinh được một người con Ngô Thị C. Ngày 24/12/2003, ông D2 chết do tai nan giao thông. Tài sản của ông D2 chết để lại gồm ba căn nhà diện tích 215,7m^2.

Ngày 25/10/2005, UBND thành phố E cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (CNQSDĐ) mang tên bà B.

** Bị đơn bà Nguyễn Thị B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Ngô Thị C (con bà B):* Sau khi thụ lý, Tòa án nhân nhân dân thành phố E đã giao nhận các thủ tục như thông báo thụ lý vụ án, triệu tập đến để giải quyết vụ án, thông báo kiểm tra chứng cứ, hòa giải nhưng đều từ chối nhận và không hợp tác; trong quá trình giải quyết tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh đều không hợp tác.

** Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

- Cụ D - cụ D1 (Bố, mẹ đẻ ông D2): Có quan điểm tương tự chị A.

- UBND thành phố E trình bày: Ngày 25/10/2005, UBND thành phố E cấp giấy CNQSDĐ mang tên hộ bà Nguyễn Thị B. UBND thành phố E có quan điểm cấp giấy CNQSDĐ cho hộ bà B đúng quy định.

Kết quả thẩm định của Tòa án nhân dân thành phố E thể hiện: Diện tích đất sử dụng = 215,7m^2, trong đó đất ở 196,9m^2, còn lại 18,8 m^2 thuộc hành lang giao thông.

Định giá: Gồm quyền sử dụng đất ở 196,9m^2, nhà 40m^2, nhà 17m^2, mái tôn, nhà tạm, bể nước = 360.746.745đ.

Quá trình giải quyết bị đơn bà B và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị C không hợp tác nên vụ án không thể tiến hành các thủ tục cung cấp chứng cứ, kiểm tra chứng cứ hòa giải được.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2021/DS-ST ngày 31/3/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã căn cứ vào khoản 5 Điều 26, Điều 34 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 4 Điều 32 của Luật Tố tụng Hành chính; Áp dụng các khoản 2 Điều 147, cứ khoản 2 Điều 157, khoản 2 Điều 165, điểm b khoản 1 Điều 227, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013; Điều 288, khoản 2 Điều 357, các Điều 609, 610, 623, 649, 650, 651, 660 Bộ luật Dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật Thi hành án Dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị A về việc chia thừa kế; không chấp nhận yêu cầu hủy giấy CNQSDĐ của chị Ngô Thị A.

Chia thừa kế như sau:

- Giao cho bà Nguyễn Thị B và chị Ngô Thị C được quyền sử dụng đất: Diện tích 215,7m^2, trong đó đất ở 196,9m^2, còn lại 18,8m^2 thuộc hành lang giao thông và quyền sở hữu tài sản trên đất gồm: một nhà một tầng mái Prociment diện tích 40m^2, một nhà một tầng mái Prociment diện tích 47 m^2 quét vôi ve, một mái tôn diện tích 28,8m^2, một mái Prociment diện tích 43,7m^2, một bể nước, một nhà vệ sinh và tường rào, cổng trên thửa đất 101, tờ bản đồ 42 thuộc khu 7, phường E2, thành phố E, tỉnh Quảng Ninh. Giấy CNQSDĐ số vào sổ H400343 do UBND thành phố E cấp ngày 25/10/2005 mang tên hộ bà Nguyễn Thị B. Tổng giá trị tài sản 360.746.745đ**.** Có tứ cận: Tây giáp rãnh nước, Bắc giáp ngõ

xóm; Đông giáp đường bê tông, Nam giáp gia đình bà Vũ Thị Tý. *(Có sơ đồ đo đạc kèm theo)*

- Bà Nguyễn Thị B và chị Ngô Thị C có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho chị Ngô Thị A và hai cụ Ngô Văn D- Phạm Thị D1 mỗi người 56.542.553đ. Làm tròn số: 56.542.000 đ (năm mươi sáu triệu năm trăm bốn mươi hai nghìn đồng)

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí thẩm định và định giá; án phí và thông báo quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 08/4/2021, chị Ngô Thị A có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Chị Ngô Thị A giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và xác định những người được hưởng thừa kế gồm chị, hai cụ D cụ D1, bà B, chị C.

Chị A cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm giao cho bà B và chị C được quyền sử dụng đất và nhà, bà B và chị C có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho chị và hai cụ D, D1 mỗi người 56.542.553đ là chị không đồng ý vì giá trị tài sản do định giá thấp không đúng với giá trị thực tế và theo chị thì diện tích 215,7m^2 đất đang tranh chấp là của bố chị và có thể chia bằng hiện vật được, do đó chị đề nghị được chia bằng hiện vật, thực tế hiện nay bà B đã lấy chồng khác đã có con và vẫn đang ở trên đất của bố chị để lại, bản thân chị cũng đang ở nhà chồng không có chỗ để thắp hương cho bố vì vậy chị đề nghị được chia di sản bằng hiện vật.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội về giải quyết vụ án:

- Về chấp hành pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm chị A đề nghị chia di sản thừa kế của ông D2 và chị xin nhận tài sản là đất, không đồng ý nhận tiền như Bản án sơ thẩm đã tuyên.

Nhận thấy: Bản án sơ thẩm nhận định "Nguyên đơn chị A và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan hai cụ D – D1 có quan điểm giao cho bà B và chị C quản lý sở hữu tài sản và chia di sản thừa kế cho chị A và hai cụ bằng tiền, do vậy không cần hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp" là nhận định không đúng với nội dung diễn biến phiên tòa sơ thẩm. Vì, tại phiên tòa sơ thẩm cụ D, cụ D1 vắng mặt, ủy quyền cho chị Ngô Thị A; Bản tự khai (không có ngày) (BL82) của cụ D và cụ D1 chỉ thể hiện để lại thửa đất cho hai cháu là cháu A và cháu C và tại phiên tòa sơ thẩm chị A đều khẳng định đề nghị nhận di sản thừa kế là đất.

Di sản của ông D2 để lại là 215,7m^2, trên đất gồm có 02 nhà (01 nhà 40m^2, 01 nhà 17m^2) mái tôn, nhà tạm, bể nước, giếng, các ngôi nhà này không liền khối; chiều ngang thửa đất giáp mặt ngõ đi là 14,35m.

Tại thời điểm này, hạn mức giao đất ở, diện tích tối thiểu được tách thửa đối với đất ở, hạn mức công nhận đất ở trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh quy định thì thửa đất được hình thành sau khi tách thửa có diện tích 45m^2 và kích thước cạnh là 4,5m. Theo đó, phần di sản thừa kế mà chị Ngô Thị A được hưởng hoàn toàn đủ điều kiện tách thửa, công nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng chị A và cụ D, cụ D1 chỉ đề nghị nhận tiền là không đúng diễn biến nội dung phiên tòa, vi phạm quyền tự định đoạt của đương sự, nhận định của Tòa án cấp sơ thẩm không đúng với diễn biến phiên tòa sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 2 Điều 660 Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận kháng cáo của chị Ngô Thị A, hủy bản án sơ thẩm chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng, quan hệ pháp luật: Các đương sự gồm nguyên đơn, bị đơn cư trú tại thành phố E, di sản chia thừa kế tại thành phố E, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật và hủy giấy CNQSDĐ, căn cứ khoản 9 Điều 26, Điều 34, Điều 37 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Điều 32 Luật Tố tụng Hành chính, thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh là đúng.

- Đơn kháng cáo trong hạn luật định, đúng thủ tục pháp luật được quy định tại khoản 1 Điều 273, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Ngô Thị C vắng mặt mặc dù đã được triệu tập nhiều lần, đối với UBND thành phố E có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị C và UBND thành phố E.

[2]. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về nội dung khởi kiện yêu cầu hủy giấy CNQSDĐ của chị A: Hội đồng xét xử thấy:

Các tài liệu trong hồ sơ thể hiện: QSDĐ và các tài sản gồm hai ngôi nhà nằm trên diện tích đất là tài sản của ông D2 có trước khi kết hôn, ông D2 chết tai nạn giao thông, chưa có phân chia di sản, nhưng UBND thành phố E căn cứ đơn xin cấp giấy chứng nhận QSDĐ của bà B trình bày là chuyển nhượng của ông Lại Văn G từ năm 1990 là không đúng sự thực khách quan. Bởi lẽ: Nguồn gốc đất do ông Ngô Đức D2 và bà Bùi Thị D3 nhận chuyển nhượng của ông Lại Văn G từ năm 1990, khi ly hôn Tòa án nhân dân thị xã E (nay là thành phố E) giao tài sản là quyền sử dụng đất và ngôi nhà cấp 4 cho ông D2 được quyền sở hữu. Như vậy, việc cấp giấy CNQSDĐ của UBND thành phố E không đúng pháp luật.

[3]. Về yêu cầu chia thừa kế của chị A:

Di sản theo kết quả thẩm định, định giá của Tòa án nhân dân thành phố E thể hiện: Diện tích đất sử dụng = 215,7m^2, trong đó đất ở 196,9m^2, còn lại 18,8m^2 thuộc hành lang giao thông. Tài sản trên đất gồm nhà 40m^2, nhà 17m^2, mái tôn, nhà tạm, bể nước, trị giá 360.746.745đ.

Hàng thừa kế thứ nhất của ông D2 gồm: Bà B - vợ, chị A, chị C - con đẻ, bố mẹ đẻ ông D2 gồm hai cụ D, cụ D1, nên di sản được chia cho bà B, chị A, chị C, cụ D, cụ D1 theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 651 Bộ luật Dân sự.

Về giá trị của di sản thừa kế: Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất gồm nhà 40m^2, nhà 17m^2, mái tôn, nhà tạm, bể nước, trị giá 360.746.745đ, trong đó chị A xác định bà B và chị C có làm thêm mái tôn có giá trị 21.497.425đ, các công trình còn lại đều có nguồn gốc từ trước ngày ông D2 kết hôn với bà B, như vậy giá trị còn lại của di sản = 339.249.320đ.

[4]. Phân chia di sản: Nguyên đơn và hai cụ đề nghị chia di sản bằng tiền, giao cho bà B và chị C được quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản trên đất. Ông D2 chết năm 2003, theo chị A khai không để lại nghĩa vụ gì, từ khi ông D2 chết đến nay bà B và chị C vẫn sinh sống trên thửa đất đó, do vậy cần tính công sức duy tu bảo dưỡng di sản cho bà B và chị C bằng một suất thừa kế. Tổng cộng là 06 (sáu) suất thừa kế là đúng.

Tại phiên tòa sơ thẩm thì chị A đã thay đổi lại lời khai ngày 15/3/2022 từ đề nghị phân chia di sản bằng tiền sang chia di sản bằng hiện vật. Mặc dù tại phiên tòa sơ thẩm chị A đề nghị như trên nhưng bản án sơ thẩm lại ghi: *"Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và chị xác định những người được hưởng thừa kế gồm chị, hai cụ D- D1, bà B, chị C, chị giao tài sản cho bà B và chị C được sở hữu, bà B và chị C có nghĩa vụ thanh toán cho chị bằng tiền; chị thấy giá trị tài sản do định giá thấp, nhưng không yêu cầu định*

giá lại và đưa ra giá trị tài sản 600.000.000đ". Nội dung trên là không đúng với lời trình bày của chị A tại phiên tòa sơ thẩm, không thể hiện đúng kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

Việc người khởi kiện thay đổi lời khai trong quá trình thụ lý và xét xử nhưng không vượt quá yêu cầu khởi kiện thì cần được xem xét. Nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chỉ căn cứ vào lời khai của chị A ngày 15/3/2022 (BL 267) thể hiện: "*Quan điểm của tôi và hai cụ yêu cầu chia thừa kế bằng tiền. Tôi giao tài sản cho chị C quản lý sở hữu và có nghĩa vụ thanh toán cho tôi và hai cụ D bằng tiền, nếu chị C không thanh toán tiền cho tôi thì tôi sẽ lấy bằng đất, bà B không được hưởng di sản thừa kế*".

- Theo quy định tại khoản 2 Điều 660 BLDS thì những người thừa kế có quyền yêu cầu phân chia di sản bằng hiện vật, nếu không thể chia đều bằng hiện vật thì những người thừa kế có thể thỏa thuận về việc định giá hiện vật; nếu không thỏa thuận được thì hiện vật được bán để chia. Quá trình giải quyết tranh chấp bà B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Ngô Thị C cũng như tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay đều không có mặt mặc dù đã được triệu tập nhiều lần do đó HĐXX không thể lấy lời khai và để cho hai bên thỏa thuận được, hơn nữa tại phiên tòa sơ thẩm và phiên tòa phúc thẩm cụ Ngô Văn D và Phạm Thị D1 cũng không có mặt vì vậy chưa làm rõ được ý chí của hai cụ là nhận tiền hay nhận hiện vật.

Theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 28/7/2020 thể hiện: Diện tích đất sử dụng = 215, 7m^2, trong đó đất ở 196,9m^2, còn lại 18,8m^2 thuộc hành lang giao thông (Bút lục 181-182).

Mặt khác, theo sơ đồ khảo sát hiện trạng thửa đất kèm theo biên bản thẩm định thì còn nhiều khoảng đất trống có thể chia di sản thừa kế bằng hiện vật (Bút lục 183). Lẽ ra, Tòa án cấp sơ thẩm cần phải xem xét yêu cầu chia bằng hiện vật của nguyên đơn thì mới đảm bảo quyền lợi của nguyên đơn và phù hợp với quy định của pháp luật.

Từ những phân tích trên HĐXX thấy Tòa án cấp sơ thẩm chia di sản thừa kế bằng giá trị quy ra tiền, là làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là cụ Ngô Văn D và cụ Phạm Thị D1 nên cần phải hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để chuyển hồ sơ lại cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm nên các đương sự

kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, nghĩa vụ chịu án phí của các đương sự được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308 và Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Chấp nhận một phần kháng cáo của Nguyên đơn là chị Ngô Thị A.

1. Hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 03/2021/DS-ST ngày 31/3/2021 của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc "Tranh chấp chia thừa kế, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất" giữa nguyên đơn là chị Ngô Thị A với bị đơn là bà Nguyễn Thị B, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Ngô Thị C và cụ Ngô Văn D, cụ Phạm Thị D1.

2. Chuyển hồ sơ lại cho Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh để xét xử sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Các đương sự kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, nghĩa vụ chịu án phí của các đương sự được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án ./.

**** Nơi nhận:***
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ninh;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: VT; HCTP; Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Xuân Trọng